

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y HỌC;

Chuyên ngành: DA LIỄU

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN TRỌNG HÀO

2. Ngày tháng năm sinh: 03/12/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 110/43/2/1 Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): BS Nguyễn Trọng Hào, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Thông, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0903639234;

E-mail: bshao312@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Công việc, chức vụ, cơ quan
08/2006 – 09/2010	- Bác sĩ, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh
09/2010 – 8/2012	- Phó Trưởng phòng, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8/2012 – 9/2014	- Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh
26/9/2014 - 04/8/2016	- Phó Giám đốc, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh
05/8/2016 – nay	- Giám đốc, Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh
23/05/2017 – nay	- Phó Trưởng Bộ môn Da liễu, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
06/06/2017 – nay	- Phó Trưởng Bộ môn Da liễu, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
07/2020 – nay	- Chủ tịch Liên Chi hội Da liễu thành phố Hồ Chí Minh
07/2022 – nay	- Phó Chủ tịch Hội Da liễu Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Bệnh viện; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Bệnh viện

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 2 Nguyễn Thông, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02839333187

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Y - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 10 năm 2002; số hiệu bằng: 395421; số vào sổ: 121/Y96; ngành: Y đa khoa, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sĩ Nội trú bệnh viện ngày 15 tháng 3 năm 2007; số hiệu bằng C: 000320; số vào sổ: 01/4924-2002; ngành: Y học; chuyên ngành: Da liễu; Nơi cấp bằng Bác sĩ Nội trú bệnh viện: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Chuyên khoa cấp I ngày 15 tháng 3 năm 2007; số hiệu bằng B: 011692; số vào sổ: 01/4924-2002; ngành: Y học; chuyên ngành: Da liễu; Nơi cấp bằng Chuyên khoa cấp I: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 02 năm 2009; số văn bằng: 1543; ngành: Y học; chuyên ngành: Da liễu; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 12 năm 2016; số hiệu bằng: 006132; số vào sổ cấp bằng: 00317; ngành: Y học; chuyên ngành: Da liễu; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về các bệnh da mạn tính.
- Nghiên cứu về các thủ thuật ít xâm lấn trong điều trị bệnh da liễu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS.
- Đã hướng dẫn chính 04 HVCH, 04 CK2, 03 BSNT bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm 07 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu; Nghiên cứu viên chính 02 đề tài cấp Bộ Y tế đã nghiệm thu.
- Đã công bố 68 bài báo khoa học, trong đó 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Số lượng sách đã xuất bản: tham gia biên soạn 01 sách giáo trình đào tạo đại học, chủ biên 01 sách hướng dẫn và 01 sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Thầy thuốc ưu tú: Quyết định số 2045/QĐ-CTN ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Ngày khen thưởng: 25/02/2022.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2089/QĐ-Ttg ngày 02 tháng 11 năm 2016.
- Bằng khen của Tổng Hội Y học Việt Nam: Đã có thành tích trong công tác hội. Quyết định số: 615/QĐ-THYH ngày 09 tháng 12 năm 2020.
- Bằng khen của Bộ Y tế năm 2019: Quyết định số 83/QĐ-BYT ngày 09 tháng 01 năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước 2019.

- Bằng khen của Bộ Y tế năm 2009: Quyết định số 1011/QĐ-BYT ngày 26 tháng 3 năm 2009.

- Bằng khen của UBND thành phố Hồ Chí Minh “Thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2017-2018)”. Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019.

- Bằng khen của UBND thành phố Hồ Chí Minh “Thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2013-2014)”. Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2015.

- Bằng khen của UBND thành phố Hồ Chí Minh “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2011-2012) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố”. Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2013.

- Bằng khen của UBND thành phố Hồ Chí Minh “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh tại các Trung tâm chữa bệnh 05, 06 (giai đoạn năm 2004 đến năm 2008)”. Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2009.

- Chiến sĩ thi đua cấp thành phố năm 2011. Quyết định số 913/QĐ-UBND, ngày 24/02/2012, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở liên tục từ các năm 2013 – đến nay.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của tổ chức.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; tôn trọng đồng nghiệp, có tinh thần phục vụ nhân dân đúng đắn, hết lòng với học trò.

- Luôn có ý thức nâng cao kiến thức chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng, phẩm chất của một nhà giáo, thầy thuốc.

1.2. Công tác giảng dạy:

- Ứng viên tham gia giảng dạy các chương trình đại học và sau đại học, luôn tích cực áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, lấy người học làm trung tâm. Hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Ứng viên trực tiếp tham gia biên soạn giáo trình “Bài giảng Da liễu” (Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch), tham gia xây dựng chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Da liễu (Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh).

- Ứng viên thường xuyên là chủ tịch hội đồng hay người nhận xét chính cho các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp 2 chuyên ngành da liễu tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Công tác nghiên cứu khoa học:

- Ứng viên luôn có ý thức kết hợp công tác khám chữa bệnh, giảng dạy với nghiên cứu khoa học, từ đó đưa ra các ý tưởng, câu hỏi nghiên cứu và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học. Công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế, trong đó có những tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus, PubMed với chỉ số IF cao.

- Bản thân luôn tích cực và chủ động tham gia vào các hoạt động khác của cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế ở nhiều cấp độ và hình thức khác nhau như bình duyệt cho các tạp chí khoa học uy tín (Tạp chí Da liễu Việt Nam, European Journal of Inflammation...), tham gia vào các hội thảo chuyên gia để xây dựng các hướng dẫn lâm sàng trong chuyên ngành da liễu.

1.4. Sức khoẻ: có sức khoẻ tốt để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 08 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Cơ sở thỉnh giảng	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
			Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	CS1			1 CK2		3	109,15	112,15/182,15/135
		CS2						102,6	102,6/118,1/135
		CS3					24		24/24/135
2	2018-2019	CS1			2 CK2		3	99,35	102,35/242,35/135
		CS2			1 ThS			51,5	51,5/110,5/135
		CS3					24		24/24/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2019-2020	CS1			1 BSNT		3	109,15	112,15/182,15/135
		CS2			1 ThS			87	87/258,10/135
		CS3					24		24/24/135
				1 NCS					
4	2020-2021	CS1			1 CK2/2 BSNT			86,15	86,15/226,15/135
		CS2						94,6	94,6/106,6/135
		CS3					15		15/15/135
5	2021-2022	CS1						109,15	109,15/109,15/135
		CS2			2 ThS				117,35/306,20/135
		CS3					5,8		5,8/5,8/135
6	2022-2023	CS1						99,35	99,35/99,35/135
		CS2			2 ThS			100,3	100,3/278,3/137,5
		CS3					48		48/48/135

CS1: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

CS2: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

CS3: Khoa Y – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(*) – Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ TOEFL ITP 537

- Giấy xác nhận Trình độ theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam Bậc 4

- Chứng chỉ C do Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh cấp

- Chứng nhận tham gia báo cáo, chủ tọa tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Đường Chí Nhân		CK2	X		2017-2018	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	25/3/2019 946/QĐ- TĐHYKPNT
2.	Bùi Minh Tân		HVCH	X		2018-2019	Đại học Y Dược TP.HCM	25/12/2019 037/2019/ThS/ ĐHYD
3.	Đoàn Văn Lợi Em		CK2	X		2018-2019	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	25/3/2020 954/QĐ- TĐHYKPNT
4.	Vũ Thị Phương Thảo		CK2	X		2018-2019	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	25/3/2020 954/QĐ- TĐHYKPNT
5.	Võ Đình Hoàng Long		HVCH	X		2019-2020	Đại học Y Dược TP.HCM	31/12/2020 369/2020/ThS/ ĐHYD
6.	Phạm Nhật Nguyễn		BSNT	X		2019-2020	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	19/4/2021 1698/QĐ- TĐHYKPNT

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.	Trần Nguyễn Ánh Tú	NCS			X	2019-2020	Viện NCKH Y Dược LS 108	01/4/2022 203/2022/V108
8.	Nguyễn Phú An		BSNT	X		2020-2021	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	11/7/2022 4319/QĐ- TĐHYKPNT
9.	Nguyễn Thị Thanh Huyền		BSNT	X		2020-2021	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	11/7/2022 4319/QĐ- TĐHYKPNT
10.	Nguyễn Phương Thảo		CK2	X		2020-2021	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	11/7/2022 4319/QĐ- TĐHYKPNT
11.	Huỳnh Thị Trang		HVCH	X		2021-2022	Đại học Y Dược TP.HCM	11/01/2023 398/2022/ThS/ ĐHYD
12.	Hoàng Thị Thanh Tuyền		HVCH	X		2021-2022	Đại học Y Dược TP.HCM	11/01/2023 401/2022/ThS/ ĐHYD

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được cấp bằng TS						
1							
2							
II	Sau khi được cấp bằng TS						
1	Bài giảng Da liệu	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2019	12		34-48	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

							2785/GCN-TĐHYKPNT Ngày 17/7/2019
2	Thẩm mỹ nội khoa	TK	Nhà xuất bản Y học, năm 2019	31	X	151-156; 188-192; 229-234; 338-348; 458-467	ĐKXB: 71-2019/CXBIPH/8-01/YH, 09/01/2019, số XB: 22/QĐ-XBYH, 26/02/2019. ISBN: 978-604-66-3527-7
3	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh da liễu	HD	Nhà xuất bản Y học, năm 2019	44	X		ĐKXB: 3121-2019/CXBIPH/3-130/YH, 16/8/2019, số XB: 231/QĐ-XBYH, 30/8/2019. ISBN: 978-604-66-3834-6

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được cấp bằng TS				

II	Sau khi được cấp bằng TS				
1	Khảo sát tính hiệu quả và an toàn của dầu gội chứa Selenium Sulfide 1% trong điều trị gàu trên bệnh nhân viêm da dầu vùng đầu	CN	CS/BVDL/19/16 Cấp cơ sở	2019-2020	10/12/2020 Xếp loại: Khá
2	Đánh giá hiệu quả lâm sàng của việc sử dụng sữa rửa mặt Eucerin White Therapy Cleansing và kem dưỡng trắng Da Ultrawhite + Spotless Spot Corrector trong hỗ trợ điều trị tăng sắc tố	CN	CS/BVDL/19/17 Cấp cơ sở	2019-2020	10/12/2020 Xếp loại: Khá
3	Khảo sát đặc điểm xã hội học bệnh nhân khoa Thẩm Mỹ Da bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh	CN	CS/BVDL/20/32 Cấp cơ sở	2020	10/12/2020 Xếp loại: Khá
4	Tỷ lệ vi khuẩn, vi nấm phân lập trên mẫu son môi của bệnh nhân đến khám tại khoa Thẩm Mỹ Da - bệnh viện Da Liễu	CN	CS/BVDL/20/12 Cấp cơ sở	2020-2021	03/12/2021 Xếp loại: Khá

	thành phố Hồ Chí Minh				
5	Bệnh tuyến giáp tự miễn và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân bạch biến tại Bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh	CN	CS/BVDL/20/44 Cấp cơ sở	2020-2022	20/07/2022 Xếp loại: Khá
6	Tỷ lệ nhiễm vi khuẩn lậu và Chlamydia Trachomatis hậu họng ở bệnh nhân bệnh lây truyền qua tình dục tại bệnh viện da liễu thành phố Hồ Chí Minh năm 2021	CN	CS/BVDL/20/41 Cấp cơ sở	2021-2022	20/07/2022 Xếp loại: Khá
7	Nghiên cứu tính hiệu quả và an toàn của việc tiêm botulinum toxin A trong phì đại cơ cắn	CN	CS/BVDL/20/45 Cấp cơ sở	2020-2022	02/11/2022 Xếp loại: Khá
8	Nghiên cứu 52 tuần, đa trung tâm, ngẫu nhiên, mù đôi với Secukinumab (300mg) để chứng minh hiệu quả khi đánh giá bằng chỉ số diện tích và độ nặng vảy nến và	Nghiên cứu viên chính	CAIN457A2326 Cấp Bộ Y tế	2016-2019	02/10/2019

	đánh giá toàn cục của nghiên cứu viên sau 12 tuần điều trị, so với Ustekinumab, và đánh giá tính an toàn, khả năng dung nạp và hiệu quả dài hạn trên bệnh nhân vảy nến thể mảng từ trung bình đến nặng (CLARITY)				
9	Nghiên cứu quan sát, cắt ngang đánh giá bối cảnh chuyên khoa lâm sàng như là yếu tố quyết định việc điều trị những bệnh nhân bị viêm khớp vảy nến (LOOP)	Nghiên cứu viên chính	10751 Cấp Bộ Y tế	2016-2019	18/03/2020

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	--	----------------	--------------------

I	Trước khi được cấp bằng TS							
I.1	Bài báo quốc tế							
1	Meeting the Challenges of Acne Treatment in Asian Patients: A Review of the Role of Dermocosmetics as Adjunctive Therapy	21		Journal of Cutaneous and Aesthetic Surgery/ ISSN: 0974-2077; eISSN: 0974-5157	Scopus, PubMed (Q3)	27	Volume 9, Issue 2, page 85-92 DOI: 10.4103/0974-2077.184043	2016
I.2	Bài báo trong nước							
2	Tỷ lệ tổn thương da muện tại chỗ và các yếu tố liên quan ở người nghiện chích ma túy tại trung tâm Trọng Điểm và Đức Hạnh-tỉnh Bình Phước	4		Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 9, Số 1, trang 204-209	2005
3	Bệnh ghẻ và nhiễm HIV trên người nghiện ma túy	7		Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 11, Số 1, trang 276-281	2007
4	Tác dụng của nitor lông trong điều trị bệnh chàm mạn tính tăng sừng	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 11, Phụ bản của số 1, trang 291-295	2007
5	Giá trị chẩn đoán của test nhanh so với PCR trong chẩn đoán nhiễm Chlamydia trachomatis ở bệnh nhân đến khám tại bệnh viện Da liễu TP. Hồ Chí Minh	3		Y học thực hành/ ISSN: 1859-1663			Tập 716, số 5, trang 165-168	2010
6	Đánh giá tình hình điều trị Hội chứng Stevens-Johnson và Hoại tử thượng bì nhiễm độc tại khoa Lâm sàng 2, BV Da liễu	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 11, trang 48-52	2013
7	Nghiên cứu rối loạn lipid máu trên bệnh nhân vảy nến	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Y học thực hành/ ISSN: 1859-1663			Tập 886, số 11, trang 31-34	2013

8	Nồng độ kẽm huyết thanh trên bệnh nhân mụn trứng cá đến khám và điều trị tại bệnh viện Da Liễu TP.HCM từ tháng 11/2012 đến tháng 03/2013	3		Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 18, Phụ bản của số 1, trang 103-109	2014
9	Đánh giá hiệu quả điều trị hỗ trợ bệnh mày đay mạn tính thể nhẹ và vừa bằng Phụ Bì Khang	2	X (Tác giả liên hệ)	Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 18, Số 4, trang 94-99	2014
II	Sau khi được cấp bằng TS							
II.1	Bài báo quốc tế							
10	Selecting optimal second-generation antihistamines for allergic rhinitis and urticarial in Asia	11		Clinical and Molecular Allergy/ ISSN: 1476-7961	Scopus, PubMed (IF = 0,933, Q3)	28	Volume 15, issue 1 (Article number 19) DOI: 10.1186/s12948-017-0074-3	2017
11	The Efficacy and Safety of Hyaluronic Acid Microinjection for Skin Rejuvenation in Vietnam	13	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ eISSN: 1857-9655	Scopus, PubMed (IF = 0,26, Q3)	7	Volume 7, issue 2, page 234-236 DOI: 10.3889/oamjms.2019.059	2019
12	Efficacy of Adding Oral Simvastatin to Topical Therapy for Treatment of Psoriasis: The Vietnamese Experience	12	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ eISSN: 1857-9655	Scopus, PubMed (IF = 0,26, Q3)	16	Volume 7, issue 2, page 237-242 DOI: 10.3889/oamjms.2019.060	2019
13	Quality of life of patients with psoriasis based on EQ-5D-5L questionnaire: an analysis at specialized hospital in Vietnam	4		Farmatsiya (Pharmacy) ISSN: 0367-3014; eISSN: 2541-9218	SIS, Web of Science (Q2)		Volume 68, issue 6, page 50 -54 DOI: 10.29296/25419218-2019-06-09	2019
14	Fractional Carbon-Dioxide Laser Plus Topical Clotrimazole versus Oral Itraconazole plus Topical Clotrimazole for	6		The Open Dermatology Journal/ ISSN: 1874-3722	Scopus (IF=0,145, Q4)	3	Volume 14, page 16-21 DOI: 10.2174/18743722202014010016	2020

	Onychomycosis: A Randomized, Controlled Trial							
15	Carotid Intima-Media Thickness in Patients with Psoriasis	5	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	The Open Dermatology Journal/ ISSN: 1874-3722	Scopus (IF=0,173, Q4)	1	Volume 15, page 45-51 DOI: 10.2174/1874372202115010045	2021
16	Safety and Efficacy of Tattoo Removal Using a Dual-Wavelength 1064/532-nm Picosecond Laser in Patients With Fitzpatrick Skin Type III and IV.	6	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Lasers in Surgery and Medicine/ ISSN: 0196-8092; eISSN: 1096-9101	Scopus, PubMed (IF= 2,703, Q1)	2	Volume 53, issue 7, page 939-945 DOI: 10.1002/lsm.23333	2021
17	The First Vietnamese Patient of LEOPARD Syndrome due to a <i>PTPN11</i> Mutation: A Case Report and Review of the Literature	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Case Reports in Genetics/ ISSN: 2090-6544; eISSN: 2090-6552	PubMed (IF=0,7)		Volume 2021, Article ID 8197435, page 1-5 DOI: 10.1155/2021/8197435	2021
18	Secukinumab Demonstrated High Effectiveness in Vietnamese Patients with Moderate-To-Severe Plaque Psoriasis in a Real-World Clinical Setting: 16 Week Results from an Observational Study	5	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Dermatology and Therapy/ ISSN: 2193-8210; eISSN: 2190-9172	Scopus, PubMed (IF=3,661, Q1)	3	Volume 11, issue 5, page 1613-1621 DOI: 10.1007/s13555-021-00581-1	2021
19	Plasma D-Dimer Level in Vietnamese Patients with Chronic Urticaria	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Indian Journal of Dermatology/ ISSN: Print-0019-5154; eISSN:1998-3611	Scopus, PubMed (IF=1,757, Q3)	1	Volume 66, issue 5, page 496-500 DOI: 10.4103/ijd.IJD_612_20	2021
20	Increased serum interleukin- 17A levels correlate with disease severity and poor prognostic factors in patients with alopecia areata.	5		Dermatology Reports/ pISSN: 2036-7392; eISSN: 2036-7406	Scopus, PubMed (IF=0,452, Q3)		Volume 14, issue 2, number 9398 DOI: 10.4081/DR.2021.9398	2022

21	Diverse clinical manifestations of Cantú syndrome: The first case series in Vietnam	4	X (Tác giả liên hệ)	American Journal of Medical Genetics, Part A/ Online ISSN: 1552-4825	Scopus, PubMed (IF=2,578, Q2)		Volume 188, issue 1, page 377-381 DOI: 10.1002/ajmg.a.62477	2022
22	Experience with bilastine in the management of urticaria: Original Real-world cases of Bilastine In Treatment (ORBIT) in Asia	10		Drugs in Context/ eISSN: 1740-4398	Scopus, PubMed (CiteScore = 8,1, Q1)		Volume 11:2021-12-2 DOI: 10.7573/dic.2021-12-2	2022
23	Generalized erythrodermic psoriasis triggered by vaccination against severe acute respiratory syndrome Coronavirus 2	4	X (Tác giả liên hệ)	Dermatologic Therapy/ ISSN: 1396-0296; Online ISSN: 1529-8019	Scopus, PubMed (IF=3,858, Q1)	9	Volume 35, issue 6, e15464 DOI: 10.1111/dth.15464	2022
24	Primary syphilis due to genital-nipple friction	4		International Journal of Dermatology/ ISSN: 0011-9059; Online ISSN: 1365-4632	Scopus, PubMed (IF=3,204, Q2)		Volume 61, issue 8, page e297-e299 DOI: 10.1111/ijd.16051	2022
25	New onset of psoriasis following COVID-19 vaccination	6	X (Tác giả liên hệ)	Dermatologic Therapy/ ISSN: 1396-0296; Online ISSN: 1529-8019	Scopus, PubMed (IF=3,858, Q1)	5	Volume 35, issue 8, e15590 DOI: 10.1111/dth.15590	2022
26	Correlation of IL36RN and CARD14 mutations with clinical manifestations and laboratory findings in patients with generalised pustular psoriasis	10		Indian Journal of Dermatology, Venereology and Leprology/ Print ISSN: 0378-6323; eISSN: 0973-3922	Scopus, PubMed (IF=2,217, Q3)	2	Volume 89, issue 3, page 378-384 DOI: 10.25259/IJDVL_1054_2021	2022
27	Efficacy of combining clinical crown lengthening surgery and botulinum toxin A injection in gummy smile treatment	7		Journal of Experimental and Clinical Medicine/ p ISSN: 1309-4483; e ISSN: 1309-5129	Scopus (IF=0,102, Q4)		Volume 39, issue 3, page 686-692 DOI: 10.52142/OMUJECM.39.3.18	2022

28	Neutrophil-to-lymphocyte and platelet-to-lymphocyte ratios as inflammatory markers in psoriasis: a case-control study	3	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Dermatology Reports/ pISSN: 2036-7392; eISSN: 2036-7406	Scopus, PubMed (IF=0,452, Q3)	1	Volume 15, issue 1, number 9516 DOI: 10.4081/dr.2022.9516	2023
29	Long-Term Effectiveness and Drug Survival of Secukinumab in Vietnamese Patients with Psoriasis: Results from a Retrospective ENHANCE Study	6	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Dermatology and Therapy/ ISSN: 2193-8210; eISSN: 2190-9172	Scopus, PubMed (IF=3,661, Q1)		Volume 13, issue 2, page 465-476 DOI: 10.1007/s13555-022-00867-y	2023
30	Optimizing Melasma Management With Topical Tranexamic Acid: An Expert Consensus	11		Journal of Drugs in Dermatology/ ISSN: 1545-9616	Scopus, PubMed (IF=1,608, Q2)		Volume 22, issue 4, page 386-392 DOI: 10.36849/JD.D.7104	2023
31	Sexual dysfunction and associated factors in women with psoriasis	5	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Indian Journal of Dermatology/ ISSN: Print-0019-5154; Online-1998-3611	Scopus, PubMed (IF=1,757, Q3)		Volume 68, issue 1, page 121 DOI: 10.4103/IJD.IJD_565_22	2023
32	Hematohidrosis induced by separation anxiety disorder during COVID-19 quarantine: a case report and brief literature review	5	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Dermatology Reports/ pISSN: 2036-7392; eISSN: 2036-7406	Scopus, PubMed (IF=0,452, Q3)		Volume 15, issue 1, number 9615 DOI: 10.4081/dr.2023.9615	2023
33	Crouzon syndrome with acanthosis nigricans: a case report and literature review	3	X (Tác giả liên hệ)	Dermatology Reports/ pISSN: 2036-7392; eISSN: 2036-7406	Scopus, PubMed (IF=0,452, Q3)		Volume 15, issue 1, number 9620 DOI: 10.4081/dr.2023.9620	2023
II. 2	Bài báo trong nước							
34	Đánh giá độ dung nạp và hiệu quả của kem dưỡng ẩm Xeracalm AD trên bệnh nhân bị da khô, ngứa tại BV Da Liễu TP.HCM	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 25, trang 80-86	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

35	Yếu tố nguy cơ tim mạch trên bệnh nhân vảy nến	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 13, số 4, trang 29-34	2018
36	Nồng độ IL-17A và hs-CRP trên bệnh nhân vảy nến thông thường	3		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 13, số đặc biệt 9, trang 88-91	2018
37	Biểu hiện da trên bệnh nhân suy thận mạn tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương TP. Hồ Chí Minh	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Phụ bản tập 23, số 3, trang 424-429	2019
38	Laser PDL 595nm trong điều trị bớt rạn da: Nghiên cứu hồi cứu 32 trường hợp tại bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh	3		Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 28, trang 13-19	2019
39	Tác dụng lâm sàng của Secukinumab trong điều trị vảy nến thông thường	3		Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 28, trang 20-28	2019
40	Mật độ xương trên bệnh nhân vảy nến nam giới tại bệnh viện Da Liễu thành phố Hồ Chí Minh	3	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 28, trang 37-42	2019
41	Đề kháng insulin trên bệnh nhân bệnh trứng cá thông thường	4		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 1, trang 15-19	2020
42	So sánh hiệu quả của phương pháp phá hủy mầm sinh móng bằng laser CO2 và dung dịch phenol 88% trong điều trị móng chột thịt	5	X (Tác giả thứ nhất)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 1, trang 20-25	2020
43	Mức độ cải thiện chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân vảy nến điều trị bằng thuốc sinh học so với điều trị bằng các phương pháp thông	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 2, trang 34-41	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	thường tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh						
44	Nhiễm khuẩn bệnh viện trên bệnh nhân hội chứng Stevens-Johnson và hoại tử thượng bì nhiễm độc điều trị nội trú tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 3, trang 12-17 2020
45	Nhiễm khuẩn bệnh viện và đề kháng kháng sinh trên bệnh nhân pemphigus điều trị nội trú tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 3, trang 44-49 2020
46	Yếu tố liên quan và đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân vảy nến thông thường đến khám tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh	3		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 5, trang 21-25 2020
47	Nghiên cứu sự thay đổi nồng độ IL-17A và hs-CRP huyết thanh của bệnh nhân vảy nến thông thường điều trị bằng secukinumab	3		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 5, trang 49-54 2020
48	Kiến thức, thái độ và thực hành chống nắng của bệnh nhân lupus ban đỏ	2	X (Tác giả liên hệ)	Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Phụ bản tập 24, số 2, trang 58-63 2020
49	Khảo sát đa hình đơn gen IL17RA rs4819554 và TNFAIP3 rs610604 ở bệnh nhân vảy nến thông thường thể mảng	3		Nghiên cứu Y học/ ISSN: 2354-080X			Tập 132, số 8, trang 1-10 2020
50	Đánh giá hiệu quả và an toàn của botulinum toxin tiêm vi điểm làm giảm độ nhờn, nếp nhăn và lỗ chân lông da mặt	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 8, trang 7-13 2020
51	Tính hiệu quả và an toàn của laser Q-switched Nd:YAG trong điều trị bớt Ota tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 15, số 8, trang 26-32 2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

52	So sánh hiệu quả điều trị hạt cơm bằng phương pháp xịt nito lỏng kết hợp bôi dung dịch castellani so với kết hợp bôi eosin 2% vào đáy tổn thương	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 16, số 1, trang 35-41	2021
53	Hiệu quả và an toàn của laser Q-switched Nd:YAG 532nm và laser xung dài alexandrite 755nm trong điều trị đốm nâu	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 16, số 1, trang 46-52	2021
54	Hiệu quả phẫu thuật làm dài thân răng lâm sàng trong điều trị cười lộ nướu	4		Y học TP. Hồ Chí Minh/ ISSN: 1859-1779			Tập 25, số 2, trang 129-136	2021
55	The dynamic of serum cytokines in psoriasis patients treated with secukinumab	2	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam (Vietnamese Journal of Dermatology and Venereology)/ ISSN: 1859-4824			Số 33, trang 59-66	2021
56	Hiệu quả của tiêm vi điểm acid tranexamic trong điều trị nám má	3	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 34, trang 99-110	2021
57	Tỷ lệ nhiễm vi khuẩn lậu và chlamydia trachomatis hầu họng và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh	2		Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 34, 111-121	2021
58	Mối liên quan giữa đa hình đơn gen IL-17F RS763780, IL-17RA RS4819554 VÀ HLA-CW6 trên bệnh vẩy nến thông thường ở Việt Nam	5		Nghiên cứu Y học/ ISSN 2354-080X			Tập 150, số 2, trang 1-13	2022
59	Bệnh tuyến giáp tự miễn và các yếu tố liên quan	2		Da liễu học Việt Nam/			Số 35, trang 28-36	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	trên bệnh nhân bạch biến tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh			ISSN: 1859-4824				
60	Đặc điểm xã hội bệnh nhân điều trị tại khoa thẩm mỹ da Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh	4	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 35, trang 45-54	2022
61	Tình trạng dinh dưỡng ở người trưởng thành mắc bệnh viêm da cơ địa năm 2020	7		Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 35, trang 55-62	2022
62	Tình trạng nhiễm khuẩn trên bệnh nhân đờ da toàn thân tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh	5		Da liễu học Việt Nam/ ISSN: 1859-4824			Số 35, trang 63-69	2022
63	Nghiên cứu tính hiệu quả và an toàn của kỹ thuật tiêm botulinum toxin A trong phì đại cơ cằm	2	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 17, số 3, trang 45-53	2022
64	Hiệu quả của tiêm Triamcinolone nội thương tổn kết hợp laser xung nhuộm màu trong điều trị sẹo lồi	4		Tạp chí Y dược học Phạm Ngọc Thạch/ ISSN: 2815-6366			Tập 2, số 1, trang 155-161	2023
65	Nghiên cứu hiệu quả và an toàn của tiêm vi điểm Botulinum toxin so với Acid hyaluronic trong trẻ hoá da	5		Tạp chí Y dược học Phạm Ngọc Thạch/ ISSN: 2815-6366			Tập 2, số 1, trang 181-187	2023
66	Đặc điểm tế bào học cổ tử cung trên bệnh nhân nữ sùi mào gà	4		Tạp chí Y dược học Phạm Ngọc Thạch/ ISSN: 2815-6366			Tập 2, số 2, trang 150-157	2023
67	Hiệu quả và an toàn của laser xung dài Nd:YAG đơn trị hoặc kết hợp với laser Q-switched Nd:YAG trong điều trị mụn trứng cá	3	X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 18, số 4, trang 33-39	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

68	Hiệu quả điều trị của Lactobacillus acidophilus so với metronidazol trong viêm âm đạo không đặc hiệu tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh		X (Tác giả thứ nhất & liên hệ)	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 18, số 4, trang 82-89	2023
Báo cáo khoa học tại hội nghị toàn quốc								
69	Laser trong điều trị các thương tổn sắc tố	1	X	Hội nghị khoa học: Ứng dụng laser trong y học toàn quốc lần thứ 4 (ngày 30/5/2017) Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ ISSN: 1859-2872			Tập 12, số đặc biệt 5, trang 22-29	2017

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là 15, theo số thứ tự: [11], [12], [15], [16], [17], [18], [19], [21], [23], [25], [28], [29], [31], [32], [33].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Da liễu, mã số: NT 62723501	Tham gia	Số 2680/QĐ-ĐHYD, ngày 03/10/2022	Đại học Y Dược TP.HCM	Số 422/QĐ-ĐHYD, ngày 24/02/2023	
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Huu', written over a horizontal line.

NGUYỄN TRỌNG HÀO